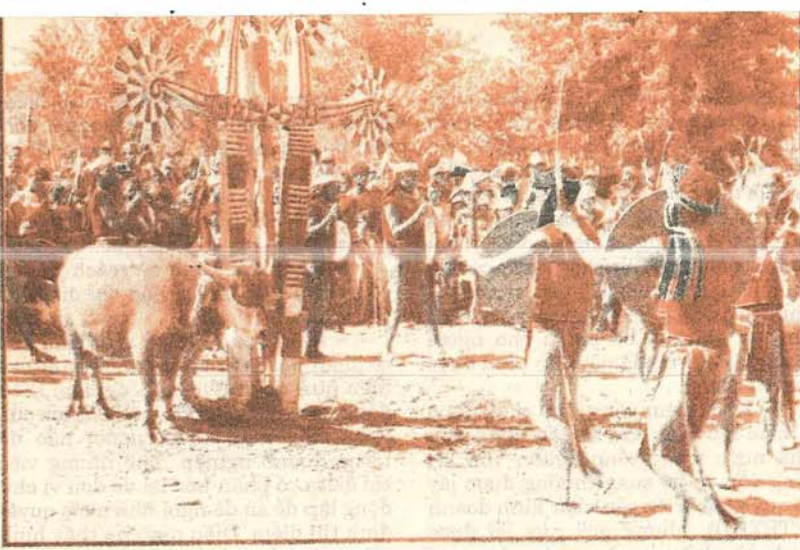




CUỘC SỐNG VÀ PHONG TỤC CỦA NGƯỜI KƠ HO

VĂN HIỂN

Cao nguyên miền Trung có một bộ tộc đông và còn giữ lại được nhiều nếp sống và tập tục cổ: đó là dân tộc Kơ Ho. Với số dân khoảng 70 ngàn người, bộ tộc Kơ Ho thường ở trong rừng sâu tổ chức sống thành bản, mỗi bản từ ba đến năm chục nóc nhà. Trong quần thể đó người đứng đầu là già bản. Người này có quyền lực cao nhất, khi có sự việc gì xảy ra trong bản hay lễ lễ, dân bản thường hỏi ý kiến của già bản. Già bản có thể là một người cao tuổi nhưng không phải hoàn toàn là người già nhất mà còn do các yếu tố trí tuệ, uy tín để dân làng bầu ra. Để quản lý các bản, chính quyền còn đặt ra trưởng bản và có khi trưởng bản và già bản là một. Trưởng bản thay mặt chính quyền để quản lý hành chính trong bản. Bản thường được xây dựng trên một bãi đất tương đối bằng, gần nguồn nước. Họ có cách lấy nước nguồn độc đáo bằng cách xẻ mương từ các khe nước, luồn lách về đến tận bản. Nước chảy tràn qua một cái đập bằng gỗ, trên đó gắn nhiều vôi nước. Mỗi buổi sáng dân bản mang gùi vỏ quả bầu khô đến lấy nước về dùng.

Nhà ở trong bản ngay hàng thẳng lối, và dĩ nhiên họ ở nhà sàn nhưng lợp cỏ và thấp lè tè, nhỏ, suốt ngày ám khói. Y phục của họ sắc sỡ, vải sợi đều do họ tự dệt bằng sợi bông, sợi lanh được nhuộm bằng các màu tự nhiên như củ nâu, xà nu... Người đàn bà thường mặc váy, lúc nào cũng mang một cái gùi ở trên lưng như gùi hoặc đựng con. Trong cơ cấu quyền lực gia đình, họ còn nguyên chế độ mẫu hệ. Với chế độ này, người con gái được quyền chọn

và đề nghị cưới người đàn ông họ thích, tục này gọi là "bắt chồng". Trước khi cưới họ cũng có đủ thủ tục lễ lạt và bên nhà gái đảm nhiệm các chi phí như bò, heo, gà, vải vóc. Với nước da đen, mái tóc xoăn, họ có vẻ sớm già nhưng thỉnh thoảng cũng có vài cô đẹp "nghiêng nước, nghiêng thành". Người đàn ông Kơ Ho lúc nào cũng vác xà gạc trên vai (xà gạc là lưỡi dao dài 20cm cắm ở đầu gạc cây lồ ô) đó là công cụ đa năng của họ.

Người Kơ Ho không có họ, tên gọi của họ luôn luôn có chữ K đăng trước ví dụ K'Tim, K.Thuần...

Ở rừng núi nên công việc làm ăn của họ là hái lượm, trồng trọt và săn bắn. Phường săn của họ có từ năm đến mười người với một đàn chó (giống chó Thượng), vũ khí của họ là xà gạc, súng săn, súng Mỹ, còn cung tên thì ít dùng. Họ săn từ khỉ, nhím cho đến nai, gấu. Nếu con vật bắt được trong phạm vi đất của bản thì họ chia cho tất cả mọi người trong bản theo tục lệ.

Nghề trồng trọt đã có từ lâu đời, bằng chứng là họ có tất cả các loại hạt giống và vật nuôi riêng như bắp Thượng, lúa Thượng, dưa leo, bầu bí, heo, gà... tất cả đều có hương vị thơm ngon nhưng năng suất thấp.

Họ còn sống theo lối du canh du cư, cứ ba năm họ chuyển sang canh tác ở cánh rừng khác vì màu mỡ rẫy cũ đã hết và khoảng từ mười đến mười lăm năm họ quay lại rẫy cũ, khi đó cây rừng đã tươi tốt lại. Hiện nay chính quyền đã có quy hoạch định cư cho họ, tránh được nạn phá rừng làm rẫy.

Trong văn hóa dân tộc rất riêng, những pho tượng gọt dẻo sơ sài cũng chứng tỏ

họ có cuộc sống chật vật. Trong tế lễ không bao giờ họ quên món rượu cần, chế rượu uống tập thể đông vui và cũng say bí tỉ. Ngày tết của họ chậm hơn tết Nguyên đán độ một tháng. Tết họ có tên là Tết *Liv bong* (bịt cốt thóc) được tổ chức để cảm ơn *Giàng* (Trời). Có một số người kể rằng tết kéo dài chừng một tháng. Dưới sự chủ tọa của người già, dân bản tổ chức một cái tết long trọng và vui vẻ. Họ rào làng, sửa sang đường sá, trồng cây nêu nơi lễ hội (cây nêu có treo các hình thù chim muông, người bằng gỗ trông rất huyền bí). Sau đó họ mời họp nhau lại để định ngày khai lễ, trong ngày đó họ mời khách để thêm phần long trọng. Buổi lễ được cử hành trong tiếng kèn, sáo và trống rộn rã. Họ nộp gà chung vào một chỗ, trong ngày lễ đó con gà bị cắt cổ lấy máu và vẩy vào rơm rạ, cốt thóc và khăn những câu huyền bí mà chỉ có Trời mới hiểu.

Họ có tiếng nói riêng và mỗi bản cũng có thổ ngữ riêng. Điều tiến bộ nhất là họ cũng có chữ viết, chữ rất giống với chữ la tinh nhưng hiện tại không phổ biến và có lẽ cũng đang mai một dần.

Cũng như các dân tộc thiểu số khác, khái niệm về trọng lượng của họ còn mờ nhạt, họ chỉ để ý đến số lượng, các con vật to nhỏ đều như nhau trong quan hệ đối chác, mua bán. Cũng vì vậy mà có một số người Kinh hay những người Kơ Ho tiến bộ hơn hay lợi dụng vấn đề này để mua bán, đối chác và họ cũng thích đổi hơn là mua bán.

Đặc biệt trong dân gian vẫn truyền tụng về bùa ngải của họ. Vấn đề làm bùa ngải là có thật song tác dụng của nó ra sao thì cũng chưa ai dám chắc chắn nhưng họ cũng rất tin. Bùa ngải thường là do một số già bản "cao tay" tạo ra, họ có đủ thứ bùa yêu, bùa ghét... Nếu ai mắc thì phải mời thầy, già bản hoặc người cao tay gỡ.

Người Kơ Ho ngày nay dù sao cũng có rất nhiều tiến bộ, nhiều nhà có radio, cassette một số nhà có xe gắn máy. Đài phát thanh Đà Lạt dành hẳn một chương trình phát tiếng Kơ Ho. Nhiều người Kơ Ho thành thạo tiếng Việt. Trẻ em dù ở rừng sâu vẫn được học hành đàng hoàng, cấp I được phát tập, sách không thu tiền.

Có một số người Kơ Ho sống lâu đời ở thị trấn, thành phố thì họ vẫn không kém một người Kinh nào - hiện tại ở các trường đại học, người Kơ Ho theo học khá đông, nhất là trường y được. Họ đang cố gắng hòa mình vào nhịp bước của thời đại, do có sự pha tạp lối sống mới, bỏ đi những phong tục cũ. Cũng có rất nhiều ý kiến cho rằng cần bảo vệ văn hóa dân tộc. Vì nó là di sản quý, do đó cũng cần phải khuyến khích họ giữ lại những nét đẹp văn hóa mang đậm màu sắc dân tộc. Đó cũng là điều nên làm ♣